

SỐ 1667

## LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN TÂN DỊCH - TỰA

Đồng thanh thì thích ứng, hợp đạo tự nhiên gần, vì giáo pháp hùng vĩ này là mạng mạch của tông chỉ dựa vào để tuyên dương với Pháp tử. Pháp vương xưa lưu truyền quy phạm nhờ đó truyền nhau thuật lại với bề tôi xưa nay. Vì Đức chắc chắn không đơn lẻ, Thánh không hề ứng hiện rỗng lặng. Luận Khởi Tín là bí điển của hệ tư tưởng Đại thừa. Hơn năm trăm năm sau khi Đức Phật diệt độ, có Bồ-tát Mã Minh xuất hiện giữa thế gian. Đương thời xưng gọi là vàng Mặt trời thứ tư, Đạo vương của cõi trời thứ năm, chuyển vận bánh xe Bất thoái, xây dựng pháp Nhẫn vô sanh, khắc vào trí ấn Tổng trì, ở nhà Chân không rốt ráo, được Ba xa phú chúc, gặp Thích tôn viển ký, khéo nói Pháp yếu mở đường dẫn lối bến mê, mong muốn làm cho quần sanh nảy mầm tín căn bất hoại, gieo trồng Phật chủng khó suy, nên làm ra luận này. Làm thành luận ấy là chỉ ra vật quý vô giá, giải thích về Tối thượng thừa, phát triển hăng sa pháp môn, chỉ ở tại lòng người, mở kho tàng bí mật của chư Phật, vốn có từ một tâm này, loại bỏ cố chấp mà không mất đi sự chân thật, giữ lại tu tập mà cũng quên đi tướng trạng của nó, vắn ít mà thâm gồm nhiều nghĩa, mượn danh mà hội nhập tông chỉ sâu xa. Lỗi lạc thay! Vàng trắng trí tuệ sáng rực giữa bầu trời quang đãng. Cuồn cuộn ngút ngàn thay! Dòng sông thiên định chảy vào biển cả lý tánh, bỏ mê mờ trở về nguồn cội không có con đường nào không đi qua đây.

Luận này truyền đến phương Đông (Trung Hoa) tổng cộng trái

qua hai lần phiên dịch, Bản dịch đầu tiên là do Tam Tạng Pháp sư người vùng Tây Ấn Độ tên gọi là Ba La Mật Đà, ở đây gọi là Chân Đế, từ ngày 10 tháng 9 năm Quý Dậu vào niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba thời Lương Vũ Đế, ở tại chùa Kiến Hưng, quận Thỉ Hưng, Hoàn Châu, cùng với Sa-môn Trí Khải người Dương Châu đã phiên dịch. Bản này (Tân dịch) chính là do Tam Tạng Pháp sư Thật Xoa Nan Đà người nước Vu Điền, ôm bản Phạn văn đến đây. Lại vào trong thập Từ Ân vùng Tây Kinh, gặp được bản Phạn văn đã từng có, cùng với các vị Sa-môn Nghĩa Học, Kinh Châu, Hoàng Cảnh, Sùng Phước, Pháp Tạng, vào ngày 8 tháng 10 năm Quý Hợi niên hiệu Thánh Lịch năm thứ ba thời Đại Chu, ở tại chùa Thọ Ký, cùng với Kinh Hoa Nghiêm theo thứ tự mà phiên dịch. Sa-môn Phục Lễ ghi lại, mở ra thành hai cuốn, nhưng cùng với bản dịch cũ đương thời có lúc lộ rõ, có lúc ẩn đi, đại khái là ý muốn của người phiên dịch. Vả lại, bản Phạn văn không phải là như nhau. Nói đến lý u huyền thì khó tin, đạo tôn quý thì ma thịnh hành, huống hồ đang là thời kỳ kiếp trước thì càng tăng thêm gấp bội! Vì thế khiến cho hạng có cách nhìn lệch lạc, chấp vào Thành Duy Thức mà phỉ báng luận này, đúng sai lẫn lộn với nhau. Đã biểu hiện ở trên ngôn ngữ tức thì làm sáng tỏ lúc lắng nghe, Phương Đẳng là vị cam lồ trở thành chất thuốc độc. Nên kinh nói: “Chỉ có Phật với Phật mới có năng lực suy xét tận cùng Thật tướng của các pháp”. Lễ nào có thể vội vàng lấy tâm phàm phu đánh giá suy lường nơi tông chỉ bậc Thánh sao?

Nói đến Chân như là tánh của vật. Đây đủ nghiệp dụng khó nghĩ suy, tàng trữ công đức thù thắng của Bất không, bên trong huân tập vọng pháp khiến cho phát sanh tâm lý chán bỏ và mong cầu. Vì thế Kinh Thắng Man nói: “Vì có Như Lai tạng, khiến chán bỏ nỗi khổ sanh tử vui mừng cầu được Niết-bàn”. Kinh này lại nói: “Người hạng xiển đề, vị lai nhờ năng lực của Phật tánh, mà thiện căn phát sanh trở lại. Như ngọc quý trong suốt kia có năng lực làm trong nước đục”. Nghĩa lý thù thắng này là luôn luôn tốt đẹp, khác nào bầu trời rộng lớn không hề ghi nhận. Do đó kinh nói: “Phật tánh thường hằng nên không phải là ba đời thấu tóm, hư không không có nên chẳng phải ba đời thấu gồm”. Lễ nào chấp sự không mà giống như là chân lý?

Luận về vọng thì dựa vào lý nên không nhận ra chân tánh, đi theo dòng chảy trở thành sai lầm trôi nổi không ngừng. Do đó kinh nói: “Tùy theo nơi lưu chuyển đó phát sanh các loại phân biệt hư vọng”. Lại trong kinh Lăng Già nói: “Như Lai tạng bị huân tập do những yếu tố giả dối và thói quen xấu ác từ vô thủy, gọi là thức tạng”. Kinh Mật

Nghiêm nói: “Đức Phật thuyết về Như Lai tạng, cho là A-lai-da”. Tuệ ác không có năng lực nhận biết, tạng chính là thức Lại-da, tuy đang ràng buộc mà thể trong sáng, tánh không thay đổi nhưng trở thành mê muội. Do đó kinh nói: “Đúng là vị thuốc đích thực thì lưu lại ở trên núi, giống như trăng tròn”. Lại nói: “Tuy ở trong năm nẻo nhận chịu thân hình sai khác, mà Phật tánh này thường hằng bất biến”. Nếu như nói Chân không huân tập vọng, vọng không huân tập chân, Chân và vọng là hai loại khác nhau lẽ nào lĩnh hội được Trung đạo? Vì thế trong Luận Lương Nhiếp nói: “Trí tuệ rất mù mờ đen tối, nói là Chân, tục cố chấp khác nhau”. Nay thì Chân trở thành Thể vọng, vọng mượn Chân làm thành, tánh tướng đều lưu thông, nhất dị cùng loại bỏ. Nên Kinh Mật Nghiêm nói: “Như Lai là kho tàng thanh tịnh, thế gian là A-lai-da thức, như vàng cùng với nhẫn đeo tay, chuyển qua chuyển lại không phân biệt”. Thánh giáo rõ ràng, nơi nào dẫn đến nghi ngờ? Vì vướng vào tướng mà trái với Chân, tìm ngọn mà bỏ mất gốc, ngôn từ vượt qua quy củ, chuyển động trở thành hý luận, tự để cho Thánh Hiền quả trách rất đáng xót thương thay!

Tôi từ lúc thơ dại đến nay, chuyên tâm vào luận này, nghiên ngẫm mãi không thôi, đọc tụng quên mệt mỏi, vụng về học hỏi truyền bá hơn hai mươi lần, tuy chưa suy xét kỹ nghĩa lý sâu xa, mà biết sơ qua ý văn, cho là gương sáng của Đại thừa chẳng pháp nào hơn được luận này. Hy vọng người có đức hạnh cùng tông chỉ và tư tưởng, luôn luôn xem luận văn này, ngõ hầu mỗi ngày tiến vào một sâu hơn, đành cố làm bài tựa dẫn lối nói như vậy.

-----

## LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

*Bồ-tát Mã Minh tạo luận.*

*Hán dịch: đời Chu, Tam Tạng Thật Xoa Nan Đà.*

### QUYỂN THƯỢNG

*Quy mạng chư Phật khắp mười phương  
Tạo lợi ích to lớn mọi nơi  
Bậc cứu giúp che chở thế gian  
Trí tuệ tự tại không giới hạn.  
Cùng với đại dương Thế tướng ấy  
Pháp vô ngã câu nghĩa rõ ràng  
Tăng kho giữ công đức vô biên  
Nỗ lực cầu mong quả Chánh giác.  
Do vì muốn làm cho chúng sanh  
Trừ nghi ngờ loại bỏ chấp tà  
Khởi tín kế thừa dòng giống Phật  
Nên con soạn ra luận này.*

Luận nói: Vì muốn phát khởi niềm tin trong sáng đối với Đại thừa, đoạn dứt những nghi ngờ đen tối và chấp trước sai lầm của chúng sanh, khiến chủng tánh Phật nối tiếp nhau không ngừng, nên soạn ra luận này.

Có pháp có năng lực phát sanh tín căn của Đại thừa, vì vậy cần phải nói ra. Nói ra có năm phần:

1. Tác nhân.
2. Lập nghĩa.
3. Giải thích.
4. Tu tín.
5. Lợi ích.

Trong này, phần Tác nhân có tám:

1. Tổng tướng, vì khiến cho chúng sanh xa rời đau khổ, đạt được yên vui, không vì tham cầu danh vọng và mọi điều lợi dưỡng.

2. Vì hiển bày thật nghĩa căn bản của Như Lai, khiến các chúng sanh phát sanh lý giải chính đáng.

3. Vì khiến cho thiện căn được thành thực và chúng sanh không thoái lui tâm tín, đối với giáo pháp Đại thừa có đủ năng lực để đảm nhận.

4. Vì khiến cho chúng sanh có thiện căn ít ỏi, phát khởi tâm tín đến mức không còn thoái lui.

5. Vì khiến cho chúng sanh tiêu trừ mọi nghiệp chướng, điều phục tự tâm mình xa rời ba độc.

6. Vì khiến cho chúng sanh tu tập đích thực phương pháp Chỉ và Quán, đối trị tâm sai lầm của hàng phàm phu, Tiểu thừa.

7. Vì khiến cho chúng sanh tư duy đúng như lý đối với giáo pháp Đại thừa, được sanh ra trước nơi Đức Phật và kết quả cuối cùng là không lui thoái niềm tin vào Đại thừa.

8. Vì hiển bày lợi ích của niềm tin vui với Đại thừa, khuyến khích mọi hàm thức khiến họ hưởng đến trở về.

Những câu nghĩa này trong kinh Đại thừa tuy đã có nói đến, nhưng do căn cơ được hóa độ có mong muốn không như nhau nên duyên đối đãi khác nhau, vì vậy soạn ra luận. Điều này lại nói thế nào? Nghĩa là lúc Như lai còn ở đời, chúng sanh được hóa độ thường là hàng lợi căn, thấy sắc tâm của Phật thù thắng, một âm thanh phát ra làm thông suốt vô biên nghĩa lý nên không cần tạo luận. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, hoặc có người có năng lực dùng sức mình, thấy ở nơi kinh ít mà hiểu rõ nhiều nghĩa. Lại có người có năng lực dùng sức mình xem nhiều kinh điển cho đến hiểu rõ nghĩa lý. Hoặc có người tự mình không có trí lực nhờ người khác luận bàn mở rộng mà được hiểu rõ nghĩa lý. Cũng có người tự mình không có trí lực sợ nói rộng, thích nghe luận tóm lược thấu tóm nghĩa lý rộng lớn mà tu hành một cách đúng đắn. Nay tôi vì hạ hạng người sau cuối ấy, sơ lược thấu tóm vô biên nghĩa lý rất sâu xa và tốt đẹp nhất của Như Lai, soạn ra luận này.

Phần lập nghĩa nói gì? Nghĩa là hệ thống tư tưởng Đại thừa sơ lược có hai loại: Hữu pháp và pháp. Nói là hữu pháp, nghĩa là tâm của tất cả chúng sanh, tâm này thì thấu gồm hết thủy pháp thế gian và pháp xuất thế gian, dựa vào đây biểu hiện rõ nghĩa lý Đại thừa. Vì tâm này là tướng Chân như, tức nêu ra cái thể của Đại thừa, tâm này là tướng của nhân duyên sanh diệt, có thể biểu hiện rõ ràng thể, tướng, dụng của Đại thừa. Nói về pháp, tóm lược có ba loại:

1. Thể đại, nghĩa là tất cả các pháp Chân như dù là nhiễm hay tịnh

nhưng tánh vẫn luôn luôn bình đẳng, không tăng không giảm không có gì sai khác.

2. Tướng đại, nghĩa là Như Lai tạng xưa nay đầy đủ vô lượng vô biên tánh của mọi công đức.

3. Dụng đại, có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của thế gian và xuất thế gian, hết thấy chư Phật vốn đã vận dụng, hết thấy Bồ-tát đều nhờ vào đây mà tiến vào quả vị Phật.

Phần giải thích nói gì? Phần này có ba vấn đề, đó là:

1. Biểu hiện rõ về thật nghĩa.

2. Đối trị các chấp tà.

3. Phân biệt tướng tu hành của chánh đạo.

Trong đây biểu hiện rõ về thật nghĩa là dựa vào một tâm có hai phương diện, đó là: Phương diện tâm chân như và phương diện tâm sanh diệt. Cả hai phương diện này đều thấu suốt tất cả các pháp, vì hai phương diện này lần lượt không tách rời nhau. Tâm chân như chính là thể đồng nhất của pháp giới, là đại tổng tướng của mọi pháp môn. Vì bản tánh của tâm là trạng thái bất sanh bất diệt, tất cả các pháp đều do vọng niệm mà có sai biệt, nếu như tách rời vọng niệm thì không còn tướng trạng sai biệt của cảnh giới. Vì vậy các pháp từ xưa đến nay là tánh xa rời ngôn ngữ, tất cả văn tự không có năng lực giải thích hay biểu hiện, xa rời tâm bám theo duyên thì không có mọi tướng trạng, hoàn toàn bình đẳng, vĩnh viễn không hề chuyển biến không thể phá hủy, chỉ là một tâm nên nói là chân như. Do chân như cho nên từ xưa đến nay không thể giảng giải, không thể phân biệt. Tất cả ngôn từ nói năng chỉ là giả tạo chứ không chân thật, chỉ tùy theo vọng niệm mà không hề có gì. Nói là Chân như, thì Chân như này cũng không có tướng trạng, chỉ là tận cùng của hết thấy ngôn ngữ nói năng, dùng ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ, không phải là thể tánh đó có một chút gì đáng loại trừ hay một chút gì có thể thiết lập.

Hỏi: Nếu là như vậy thì chúng sanh làm thế nào tùy thuận mà thức tỉnh tiến vào? Đáp: Nếu như biết tuy nói tất cả các pháp nhưng không có chủ thể giảng giải và đối tượng được giảng giải, tuy phân biệt tất cả các pháp nhưng không có chủ thể phân biệt và đối tượng phân biệt, lúc này tùy thuận không còn vọng niệm, đó chính là gọi thức tỉnh tiến vào.

Vả lại, Chân như ấy dựa vào ngôn ngữ mà thành lập thì có hai loại khác biệt:

1. Chân thật không, là hoàn toàn tách rời tướng trạng không thật mà biểu hiện thật thể.

2. Chân thật bất không, vì bản tánh có thể của nó và đầy đủ mọi công đức không giới hạn.

Lại nữa, Chân thật không ấy từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả các pháp nhiễm ô, tách rời tướng trạng sai biệt của tất cả các pháp, không có tâm phân biệt hư vọng. Phải nhận thức Chân như chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng, chẳng phải có, không có tướng; không chẳng phải có, không có tướng. Chẳng phải đồng nhất, chẳng phải khác nhau, chẳng phải đồng nhất, khác biệt; không chẳng phải đồng nhất, khác biệt. Nói tóm lại, vì tất cả chúng sanh phân biệt sai lầm tâm vốn không thể nào tiếp xúc được nên nói là không. Căn cứ vào đạo lý chân thật, thì vọng niệm không phải là có, do đó tánh không cũng không. Vì đối tượng bị che lấp là không có, thì chủ thể che lấp cũng không có.

Nói về Chân thật bất không, thì vì vọng niệm rỗng lặng không có, tức là biểu hiện Chân tâm thường hằng bất biến đầy đủ trọn vẹn các pháp thanh tịnh nên gọi là bất không. Cũng không có trạng thái bất không, vì không phải là chốn hành của tâm vọng niệm, chỉ là sự chứng thực tách rời mọi phân biệt mà thôi.

Về phương diện tâm sanh diệt, nghĩa là dựa vào Như Lai tạng mà chuyển sang có tâm sanh diệt, không sanh diệt cùng với sanh diệt hòa hợp không phải đồng nhất cũng không phải khác biệt, gọi là thức A-lại-da. Thức này có hai loại nghĩa: Có năng lực thấu suốt tất cả các pháp và có năng lực phát sanh tất cả các pháp. Lại có hai loại nghĩa lý:

1. Nghĩa về giác.
2. Nghĩa về bất giác.

- Nói về nghĩa giác, đó là tánh đệ nhất nghĩa của tâm này xa rời tất cả các trạng thái vọng niệm, xa rời như thế, nên bao la như hư không chẳng nơi nào là không bao phủ. Pháp giới đồng nhất tướng chính là Pháp thân bình đẳng của hết thảy Như Lai. Dựa vào Pháp thân này, nói hết thảy Như Lai là Bản Giác, vì đối lại với Thủ Giác mà thành lập Bản Giác. Nhưng lúc là Thủ Giác lại chính là Bản Giác, không có Giác nào riêng được khởi lập.

Thủ Giác, nghĩa là căn cứ vào Bản Giác mà có Bất Giác, dựa vào Bất Giác nên nói là có Thủ Giác. Lại vì nguồn gốc của tâm là giác nên gọi là Giác cứu cánh, nguồn gốc của tâm là Bất Giác nên không phải là Giác cứu cánh. Như người phạm phu, niệm trước không giác ngộ dấy lên mọi phiền não, niệm sau kìm chế lại làm cho không tiếp tục sanh khởi, lúc này tuy gọi là giác mà chính là Bất giác. Như người hàng Nhị

thừa và Bồ-tát mới phát tâm, giác ngộ có ý niệm, không có ý niệm thì sai khác về thể tướng, vì xả bỏ sự phân biệt về phần thô, nên gọi là giác Tương tự. Như Pháp thân Bồ-tát, giác ngộ niệm và vô niệm đều không có trạng thái, xả bỏ sự phân biệt thuộc loại trung bình, nên gọi là Tùy phân giác. Nếu như vượt lên trên địa cuối cùng của Bồ-tát đầy đủ đạo quả, một niệm tâm giác ngộ tương ứng bắt đầu khởi dậy, mới gọi là giác. Rồi xa trạng thái giác đến cuối cùng hết sạch mọi sự phân biệt vi tế, tánh căn bản của tâm thường trú hiện rõ ở trước, đây chính là Như Lai, gọi là giác cứu cánh. Vì vậy trong kinh điển đã nói: “Nếu có chúng sanh nào có thể quán xét tất cả vọng niệm là vô tướng, thì sẽ chứng được trí tuệ của Như Lai”.

Vả lại, nói về tâm sơ khởi, chỉ là tùy theo thế tục mà nói, cầu trạng thái ban đầu đó chung quy không thể đạt được, tâm hã y còn không có hướng hồ có ban đầu? Vì thế tất cả chúng sanh không gọi là Giác, vì từ vô thủy đến nay luôn luôn có vô minh vọng niệm liên tục theo nhau chưa từng tách rời. Nếu như vọng niệm ngừng lại, biết được quá trình sanh trú diệt của tâm tướng thấy đều vô tướng, do đối với một tâm trước sau đồng một lúc đều không tương ứng, không có tự tánh. Nhận thức như vậy rồi thì biết Thủy Giác không thể đạt được, vì không khác biệt với Bản Giác.

Hơn nữa, Bản Giác tùy theo pháp ô nhiễm, phân biệt sanh ra hai loại trạng thái sai biệt:

1. Trạng thái trí tuệ trong sáng.
2. Trạng thái vận dụng không nghĩ bàn được.

Trạng thái trí tuệ trong sáng, nghĩa là dựa vào pháp huân tập mà tu hành đúng như thật đầy đủ các công hạnh, phá bỏ thức hòa hợp, diệt trừ trạng thái chuyển thành thức, hiển hiện Pháp thân và trí tuệ thanh tịnh. Trạng thái của tất cả tâm thức chính là trạng thái của vô minh, cùng với Bản Giác chẳng phải đồng nhất chẳng phải khác biệt, không phải là có thể hủy hoại hay không phải không thể hủy hoại. Như nước biển và sóng không phải đồng nhất không phải khác biệt, sóng vì gió lay động chứ không phải tánh nước lay động. Nếu như gió ngừng lại thì sóng lay động lập tức không còn chứ không phải tánh nước diệt mất. Chúng sanh cũng như vậy, tự tánh thanh tịnh mà tâm bị gió vô minh lay động nên sóng nước của thức dâng trào. Ba sự việc như vậy đều không có hình tướng, chẳng phải đồng nhất chẳng phải khác biệt. Nhưng tánh thanh tịnh mà tâm là nguồn gốc của thức biến động, lúc vô minh diệt đi thì thức biến động theo đó cũng diệt mất, mà tánh của trí không hề hủy



diệt. Trạng thái vận dụng không thể nghĩ bàn được, là dựa vào trí thanh tịnh, có năng lực phát sanh tất cả mọi cảnh giới thù thắng vi diệu luôn luôn không gián đoạn, nghĩa là thân Như Lai đầy đủ vô lượng công đức tăng thượng, tùy theo căn cơ chúng sanh, thị hiện thành tựu vô lượng lợi ích.

Tiếp theo nói về trạng thái của giác ngộ có bốn loại nghĩa lớn, thanh tịnh như gương sáng giữa hư không:

1. Nghĩa lớn về Chân thật không, giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là tất cả trạng thái cảnh giới của tâm và trạng thái của giác ngộ đều không thể đạt được.

2. Nghĩa lớn về Chân thật bất không, giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là tất cả các pháp thành tựu đầy đủ trọn vẹn không có năng lực hủy diệt tánh, tất cả trạng thái của cảnh giới thế gian đều hiện rõ ra từ trong đó, thường trú vào một tâm không ra, không vào, không hủy diệt, không biến hoại, tất cả các pháp ô nhiễm vốn không thể nào làm ô nhiễm, thể của trí đầy đủ vô biên công đức làm nhân, huân tập cho tâm của tất cả chúng sanh.

3. Nghĩa lớn về Chân thật bất không xa rời chướng ngại, giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là phiền não chướng và đối tượng nhận thức chướng vĩnh viễn đoạn trừ nên hòa hợp thức diệt mất, nên bản tánh thanh tịnh luôn luôn an trú. 4. Nghĩa lớn về Chân thật bất không chỉ bày rõ giống như gương sáng giữa hư không, nghĩa là dựa vào pháp xa rời chướng ngại tùy theo những gì cần phải chuyển hóa, hiện rõ các loại sắc, thanh của Như Lai, khiến cho chúng sanh tu hành thành tựu mọi thiện căn.

- Nghĩa về Bất Giác, là vì từ vô thủy đến nay biết không đúng như thật về pháp chân như đồng nhất, tâm không giác ngộ dấy lên mà có vọng niệm, nhưng vọng niệm ấy tự nó không có thật tướng, không xa rời tánh giác vốn có (Bổn Giác). Giống như người lạc đường dựa vào phương hướng nên không nhận ra, lạc đường không có tướng của nó nên không xa rời với phương hướng. Chúng sanh cũng như vậy, căn cứ vào tánh giác mà có nầy sanh không giác ngộ, vọng niệm và mê muội. Nhưng trạng thái không giác ngộ ấy tự nó không có thật tướng, không xa rời tánh giác vốn có. Vì đối lại với Bất giác mà nói là Chân giác, Bất giác đã không có thì Chân giác cũng loại trừ.

Vả lại, vì dựa vào tánh giác mà có Bất giác, nầy sanh ba loại trạng thái không tách rời nhau:

1. Tướng vô minh nghiệp, do dựa vào Bất giác mà tâm vọng động

trở thành nghiệp, giác thì không vọng động, vọng động thì có khổ đau, vì quả không xa rời nhân.

2. Tướng năng kiến, vì dựa vào tâm vọng động mà có thể nhìn thấy cảnh giới, không vọng động thì không có thấy.

3. Tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể nhìn thấy nên trạng thái cảnh giới hư vọng hiện bày, xa rời cái thấy thì không có cảnh giới tướng.

Vì có duyên vào cảnh giới hư vọng, tiếp tục phát sanh sáu loại trạng thái:

1. Tướng trí, nghĩa là duyên theo cảnh giới sanh ra tâm ý yêu thích hay chẳng yêu thích.

2. Tướng tương tục, nghĩa là dựa vào trí mà cảm giác nghĩ đến khổ và vui tương ứng liên tục.

3. Chấp trước tướng, nghĩa là dựa vào cảm giác nghĩ đến khổ và vui nối tiếp nhau mà sanh ra chấp trước.

4. Các tướng chấp vào tên gọi, nghĩa là dựa vào chấp trước phân biệt trên các tên gọi mà thành lập tướng trạng của nó.

5. Tướng khởi nghiệp, nghĩa là dựa vào chấp trước các tên gọi đẩy lên rất nhiều các nghiệp sai biệt.

6. Nghiệp gắn liền với khổ đau, nghĩa là căn cứ theo nghiệp mà cảm thọ khổ đau không thể tự tại được. Vì vậy nên biết, tất cả các pháp nhiệm ô hoàn toàn không có tướng trạng của nó, đều do vô minh mà sanh khởi vậy thôi.

Hơn nữa, Giác và Bất giác có hai loại trạng thái:

1. Đồng tướng.

2. Dị tướng.

Nói về Đồng tướng, giống như các loại đồ vật bằng sành sứ đều là tướng đất như nhau, như vậy các loại huyễn dụng vô lậu hay vô minh, đều chung một tướng Chân như. Vì thế Đức Phật dạy: “Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay thường đi vào Niết-bàn, Bồ-đề không phải là tướng có thể tu tập, không phải là tướng có thể sanh ra, hoàn toàn không đạt được, không có sắc tướng nào mà có thể thấy được, thấy sắc tướng của trí sắc bất không, vì tướng của trí là không thể thủ đắc”. Rộng ra như nơi ấy đã nói.

Nói về Dị tướng, giống như các loại đồ vật bằng sành sứ tất cả mỗi loại đều không như nhau. Ở đây cũng như vậy, các loại huyễn dụng của vô lậu và vô minh có tướng trạng sai biệt. Vả lại, nhân duyên sanh diệt, là các chúng sanh dựa vào tâm mà chuyển thành ý thức. Nghĩa lý

này nói sao? Vì dựa vào thức A-lại-da mà có vô minh và không giác ngộ dấy khởi, chủ động nhìn thấy, chủ động hiển bày, chủ động chọn lấy cảnh giới phân biệt nối theo nhau, đó gọi là ý. Ý này lại có năm tên gọi khác:

1. Gọi là nghiệp thức, là năng lực của vô minh làm biến động tâm không giác ngộ.

2. Gọi là chuyển thức, là dựa vào tâm biến động luôn luôn nhìn thấy tướng trạng của cảnh sắc.

3. Gọi là hiện thức, là hiện bày tất cả tướng trạng của các cảnh giới, giống như gương sáng hiện rõ ra nhiều cảnh sắc hình tướng. Hiện thức cũng vậy, nếu như năm cảnh tượng đối diện thì lập tức hiện bày, không có trước sau và không do công lực nào.

4. Gọi là trí thức, là phân biệt các pháp sai biệt về nhiễm hay tịnh.

5. Gọi là thức tương tục, là luôn tác ý tương ứng không ngừng, đảm nhận duy trì các nghiệp thiện ác trong quá khứ khiến không mất đi không hủy hoại, thành thực các báo ứng khổ vui của hiện tại và vị lai khiến không sai trái không vượt quá, việc đã từng trải qua bỗng nhiên nhớ đến, việc chưa hề trải qua vọng sanh ra phân biệt. Vì vậy mà ba cõi, tất cả đều lấy tâm làm tự tánh, xa rời tâm thì không có cảnh giới sáu trần. Tại sao? Vì tất cả các pháp lấy tâm làm chủ từ vọng niệm dấy lên, tất cả những gì phân biệt đều là phân biệt tự tâm mình, nhưng tâm không nhìn thấy, tâm không có tướng có thể đạt được. Vì vậy nên biết, tất cả tướng trạng cảnh giới của thế gian, đều dựa vào vô minh vọng niệm của chúng sanh mà được hình thành. Giống như cảnh tượng trong gương không có thể thật sự, chỉ từ nơi tâm phân biệt hư vọng biến hiện, tâm sanh thì các loại pháp sanh, tâm diệt thì các loại pháp diệt.

Nói về ý thức, nghĩa là hết thấy phàm phu dựa vào thức tương tục mà chấp ngã và ngã sở, vọng giữ lấy đủ loại, khắp tất cả sáu loại cảnh giới, cũng gọi là thức phân ly, cũng gọi là thức phân biệt sự. Do dựa vào các loại kiến và ái huân tập mà lớn thêm hơn nữa. Từ vô tử bị vô minh huân tập mà thức đã dấy lên, điều này không phải trí tuệ của phàm phu và Nhị thừa có thể biết được. Bồ-tát ở địa Giải hành bắt đầu học hỏi và quán sát, đến địa Pháp thân Bồ-tát thì có thể biết được phần ít, đến địa Bồ-tát cuối cùng hãy còn chưa biết hết được, chỉ có Như Lai có năng lực hiểu rõ tất cả. Nghĩa này nói gì? Vì tâm tánh đó xưa nay thanh tịnh, vì năng lực của vô minh nên tâm nhiễm ô cùng hiện rõ ra, tuy có tâm nhiễm ô mà thường trong sáng không có gì thay đổi. Lại vì bản tánh

không có phân biệt, tuy tiếp tục phát sanh tất cả cảnh giới nhưng không hề biến dị. Do không giác ngộ pháp giới đồng nhất nên không tương ứng, mà vô minh phân biệt dấy lên sanh ra các tâm nhiễm ô. Nghĩa lý sâu xa khó lường như vậy, chỉ có Đức Phật có năng lực biết được chứ không phải ai cũng biết.

Tâm nhiễm ô đã sanh ra này có sáu loại khác:

1. Chấp tương ứng nhiễm, Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát ở địa tín tương ứng có thể xa lìa.

2. Bất đoạn tương ứng nhiễm: Các Bồ-tát ở địa tín nỗ lực tu tập thì có thể xa rời được phần ít, đến địa tâm thanh tịnh thì vĩnh viễn hết sạch không sót lại gì.

3. Phân biệt trí tương ứng nhiễm, từ địa đầy đủ giới pháp cho đến địa trí tuệ hoàn hảo có thể xa rời được phần ít, đến địa vô tướng hành mới được hoàn toàn xa rời.

4. Hiện sắc bất tương ứng nhiễm, đây là sự trừ diệt ở địa tự tại với sắc (cảnh giới).

5. Kiến tâm bất tương ứng nhiễm, đó là địa trừ diệt của tâm được tự tại.

6. Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiễm, đây là sự trừ diệt ở địa Bồ-tát cuối cùng tiến vào địa Như Lai.

Không giác ngộ pháp giới là đồng nhất, tức là bắt đầu từ địa tín quán sát khởi hạnh, đến địa tâm thanh tịnh thì có thể xa rời được phần ít, tiến vào địa Như Lai mới được xa rời hoàn toàn. Nghĩa về tương ứng, là tâm phân biệt sai khác, nhiễm và tịnh phân biệt khác nhau, biết tương duyên như nhau. Nghĩa về bất tương ứng tức là tâm không giác ngộ và luôn luôn không có gì sai khác, biết tương duyên không giống như nhau. Tâm nhiễm là phiền não chướng, vì có thể làm chướng ngại cho trí căn bản của chân như. Vô minh là sở tri chướng, có thể làm chướng ngại cho trí tự tại của nghiệp thế gian. Nghĩa này nói gì? Vì dựa vào tâm nhiễm ô, chấp trước vô lượng cảnh giới hư vọng và chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy, trái với tánh bình đẳng của tất cả các pháp. Tánh của tất cả các pháp là bình đẳng vắng lặng không có tướng nào phát sanh, vì vô minh không giác ngộ và hư vọng nên trái với tâm giác ngộ. Vì vậy đối với tất cả mọi nghiệp dụng sai biệt của các loại cảnh giới thế gian, tất cả đều không có năng lực biết đúng như thật.

Lại nữa, tâm phân biệt tương sanh diệt có hai loại khác nhau:

1. Thô, gọi là tâm tương ứng.

2. Tế, nghĩa là tâm bất tương ứng.

Trí cảnh của phàm phu là cái thô trong cái thô, trí cảnh của Bồ-tát là cái tế trong cái thô và cái thô trong cái tế. Hai loại tướng này, đều do năng lực huân tập của vô minh mà nảy sanh. Nhưng dựa vào nhân diệt thì duyên diệt, duyên diệt nên tâm tương ưng diệt, nhân diệt vì tâm không tương ưng với diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì sao nói là tướng tục, nếu tướng tục thì sao nói là diệt?

Đáp: Thực sự như vậy. Nay nói là diệt, chỉ là tướng tâm diệt chứ không phải là thể tâm diệt. Như nước vì gió mà có tướng trạng của sóng dậy, vì gió lặng nên tướng trạng của sóng dậy lập tức không còn, không phải là thể của nước mất đi. Nếu như nước không còn thì tướng trạng của sóng dậy sẽ mất hẳn, vì không có khách thể nhờ cậy và không có chủ thể nhờ cậy (Sở y năng y), do đó thể của nước không mất thì tướng trạng của sóng vẫn tương tục. Chúng sanh cũng vậy, vì năng lực của vô minh làm cho tâm đó biến động, vô minh không còn nên trạng thái biến động mất hẳn, chứ không phải là thể của tâm mất đi. Nếu tâm mất thì chúng sanh mất hẳn, vì không có khách thể dựa vào và không có chủ thể y cứ, nên thể của tâm không mất đi thì tâm biến động không ngừng lại.

Hơn nữa, vì nghĩa huân tập của bốn loại pháp nên pháp nhiễm và tịnh dấy lên không hề có sự mất hẳn:

1. Pháp tịnh, đó là chân như.
2. Nhân nhiễm, đó là vô minh.
3. Tâm vọng, đó là nghiệp thức.
4. Cảnh vọng, đó là sáu trần cảnh.

Nghĩa của huân tập là giống như áo quần giữa cuộc đời chẳng hôi chẳng thơm, tùy theo dùng thứ gì xông ướp thì áo quần sẽ có mùi ấy. Chân như là pháp tịnh thì tánh chẳng phải là nhiễm ô, vì vô minh xông ướp thì sẽ có trạng thái nhiễm ô. Vô minh là pháp nhiễm thì thật sự không có nghiệp thanh tịnh, vì chân như xông ướp nên nói là có tác dụng thanh tịnh.

Sao nói là pháp nhiễm ô huân tập không ngừng? Đó gọi là dựa vào chân như mà khơi dậy vô minh làm các nhân của nhiễm ô. Nhưng vô minh này chính là xông ướp chân như, đã huân tập rồi thì tâm sanh ra vọng niệm. Tâm vọng niệm này trở lại xông ướp vô minh, vì huân tập nên không giác ngộ được pháp chân như. Do không giác ngộ nên cảnh hư vọng hình thành. Vì năng lực huân tập của tâm vọng niệm, nên phát sanh các loại chấp trước sai biệt tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu quả

báo đau khổ của các loại thân tâm. Nghĩa về cảnh hư vọng huân tập có hai loại khác nhau:

1. Huân tập lớn thêm phân biệt.
2. Huân tập lớn thêm chấp giữ.

Nghĩa về tâm hư vọng huân tập cũng có hai loại khác nhau:

1. Huân tập lớn thêm nghiệp thức căn bản, khiến cho A-la-hán, Phật-bích-chi và hết thảy Bồ-tát nhận chịu cái khổ sanh diệt.
2. Huân tập lớn thêm thức phân biệt sự, làm cho các phàm phu nhận chịu các khổ do nghiệp ràng buộc.

Nghĩa về vô minh huân tập cũng có hai loại khác nhau:

1. Huân tập căn bản, nghĩa là thành tựu nghiệp thức.
2. Huân tập kiến ái, nghĩa là thành tựu thức phân biệt sự.

Sao nói là pháp thanh tịnh huân tập không ngừng? Nghĩa là dùng chân như huân tập cho vô minh, vì năng lực của nhân duyên huân tập, khiến cho tâm vọng niệm chán bỏ nỗi khổ sanh tử mà cầu mong niềm vui Niết-bàn. Dùng nhân duyên chán bỏ và cầu mong của tâm vọng này trở lại huân tập chân như. Vì huân tập thì tự tin vào bản thân mình có pháp chân như và tánh vốn thanh tịnh, biết tất cả các cảnh giới chỉ do tâm vọng động chứ suy cho cùng là không có. Do có thể như vậy nên biết đúng như thật, tu pháp rời xa, khởi lên các loại công hạnh tùy thuận với tâm, không có phân biệt và không có gì nắm giữ lấy, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nỗ lực luyện tập xuyên suốt nên vô minh diệt hết, vô minh diệt đi nên tâm tướng không dấy lên, tâm không dấy lên nên tướng trạng cảnh giới mất hẳn. Như vậy tất cả nhân nhiễm, duyên nhiễm cho đến quả nhiễm và tướng tâm đều diệt hết thì gọi là đạt được Niết-bàn, thành tựu các loại nghiệp dụng tự tại.

Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại riêng biệt:

1. Thức phân biệt sự huân tập, khiến cho tất cả phàm phu và Nhị thừa chán nỗi khổ sanh tử, tùy theo năng lực có thể hướng về đạo vô thượng.
2. Ý huân tập, khiến cho các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh, nhanh chóng hướng về tiến vào Niết-bàn vô trú.

Nghĩa về chân như huân tập cũng có hai loại riêng biệt:

1. Thể huân tập.
2. Dụng huân tập.

Thể huân tập ấy có nghĩa là chân như từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả vô lượng công đức vô lậu, cũng đầy đủ tác dụng của cảnh giới thù thắng khó nghĩ được, thường xuyên huân tập trong tâm chúng sanh,

vì năng lực này nên làm cho các chúng sanh chán nỗi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn, tự tin bản thân mình có pháp chân thật và phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu như tất cả chúng sanh cùng có chân như và đều huân tập chân như, tại sao lại có người tin, có người không tin? Từ mới phát tâm cho đến Niết-bàn, lại có vô lượng sai biệt và trước sau không như nhau? Như vậy thì tất cả đều phải bình đẳng như nhau mới hợp lý?

Đáp: Tuy tất cả chúng sanh đều có chân như, nhưng từ vô thủy đến nay vô minh dày mỏng và tự tánh sai khác nhiều hơn hằng hà sa, các loại ngã kiến, ngã ái ràng buộc chằng chịt, do đó phiền não cũng giống như vậy. Chỉ có trí tuệ của Như Lai mới có năng lực biết rõ, vì thế khiến cho niềm tin của chúng sanh sai khác và có trước sau. Vả lại, các pháp Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ thì sự việc mới được thành tựu. Như tánh lửa trong cây gỗ là chánh nhân của lửa, nếu không người nào biết hoặc là có người tuy biết cách mà không thi công, muốn khiến cho lửa phát ra đốt cháy cây gỗ là điều không thể. Chúng sanh cũng vậy, tuy có năng lực của nhân tố huân tập từ Thể chân như, nếu không gặp được Phật, các vị Bồ-tát và hàng tri thức thiện làm duyên, hoặc tuy không tu tập thẳng hạnh, không phát sanh trí tuệ, không đoạn trừ phiền não mà có thể đạt được Niết-bàn, thì điều này thật vô lý. Hơn nữa, tuy có tri thức thiện làm duyên, nếu như bên trong không có năng lực từ nhân tố huân tập của chân như, thì chắc chắn cũng không thể chán nỗi khổ sanh tử, mong cầu niềm vui Niết-bàn. Cần phải đầy đủ nhân duyên mới có thể phát sanh chán nỗi khổ sanh tử và mong cầu niềm vui Niết-bàn. Sao nói là đầy đủ? Nghĩa là tự bên trong luôn luôn có năng lực huân tập, lại được chư Phật và các vị Bồ-tát từ bi gia hộ, mới có thể chán nỗi khổ sanh tử và mong cầu niềm vui Niết-bàn, gieo trồng các thiện căn và tu tập thành thực. Từ đây lại được gặp chư Phật và các vị Bồ-tát chỉ dạy rõ ràng mà được lợi ích vui vẻ, khiến cho tu tập thẳng hạnh thẳng đến thành Phật tiến vào Niết-bàn.

Dụng huân tập, chính là năng lực ngoại duyên của chúng sanh, có vô số ý nghĩa, lược nói về hai loại:

1. Duyên sai biệt.
2. Duyên bình đẳng.

Duyên sai biệt, nghĩa là các chúng sanh từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành Phật, gặp được Phật Bồ-tát cùng các bậc tri thức thiện, tùy theo thích ứng hóa độ mà hiện thân, hoặc làm cha mẹ, hoặc làm vợ con, hoặc làm bà con, hoặc làm tôi tớ, hoặc làm bạn bè, hoặc làm kẻ



thù, hoặc là thị hiện hình tướng các vị Thiên Vương, hoặc dùng bốn sự thâm hóa, hoặc lấy sáu hạnh Ba-la-mật, cho đến tất cả duyên tố thực hiện Bồ-đề, vì lòng đại bi chan chứa và kho tàng phước trí minh mông, huân tập thuận theo hóa độ tất cả chúng sanh, khiến cho những chúng sanh ấy thấy nghe cho đến nhớ nghĩ các hình tướng của Đức Như Lai mà được lớn thêm thiện căn. Duyên này có hai loại:

1. Duyên gần, là vì mau chóng đạt được Bồ-đề.
2. Duyên xa, vì qua thời gian lâu dài mới đạt được kết quả.

Hai duyên sai biệt này lại có hai loại khác:

1. Duyên tăng thêm công hạnh.
2. Duyên tiến vào đạo pháp.

Nói về duyên bình đẳng, nghĩa là hết thấy chư Phật và các vị Bồ-tát, dùng trí tuệ bình đẳng và chí nguyện bình đẳng, mong cứu độ cho tất cả chúng sanh, tùy ý vận dụng liên tục không hề gián đoạn, dùng trí tuệ và tâm nguyện này huân tập chúng sanh, khiến họ nhớ nghĩ chư Phật và Bồ-tát, hoặc thấy hoặc nghe để thực hiện mọi điều lợi ích, tiến vào Tam muội thanh tịnh tùy theo đó đoạn chướng ngại đạt được ánh mắt không chướng ngại gì, tất cả mọi thế gian bình đẳng hiện rõ ra ở trong từng niệm từng niệm và được thấy vô lượng chư Phật cùng các vị Bồ-tát. Thế và tác dụng huân tập này lại có hai loại khác:

1. Chưa tương ứng.
2. Đã tương ứng.

Chưa tương ứng, nghĩa là hàng phàm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới thực hành, dùng ý và ý thức huân tập, chỉ dựa vào sức mạnh của niềm tin mà tu hành, chưa có thể tu hành đúng với tâm không phân biệt, vì chưa tương ứng với Thể của chân như, chưa đạt được sự tu hành tự tại, vì chưa tương ứng với Dụng của chân như. Đã tương ứng, nghĩa là Pháp thân Bồ-tát đạt được tâm không phân biệt, tương ứng với Thể vi diệu của tất cả chư Phật, đạt được nghiệp tự tại nên tương ứng với trí dụng của hết thảy Như Lai, chỉ dựa vào pháp lực mà tùy ý vận dụng tu hành, huân tập chân như diệt trừ vô minh. Vả lại, huân tập pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không đoạn dứt, đến lúc thành Phật mới đoạn trừ. Huân tập pháp tịnh thì tận cùng vị lai hoàn toàn không đoạn mất. Vì pháp chân như luôn luôn huân tập, nên tâm vọng sẽ diệt trừ và Pháp thân được hiển bày rõ, tác dụng huân tập phát khởi, do đó không có gì là đoạn diệt.

Hơn nữa, thể tướng của chân như thì tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không hề có sự tăng giảm, không phải



thời gian trước sanh ra, không phải thời gian sau diệt đi, mà hoàn toàn bất sanh bất diệt. Từ vô thủy đến nay bản tánh có đầy đủ tất cả các công đức, đó là nghĩa lý của Đại trí tuệ quang minh, nghĩa lý của biến chiếu pháp giới, nghĩa lý của chân thật nhận biết rõ, nghĩa lý của bản tánh thanh tịnh tâm, nghĩa lý của thường lạc ngã tịnh, nghĩa lý của tịch tĩnh bất biến tự tại. Như vậy đều vượt quá hằng hà sa số pháp Phật không thể nghĩ bàn chẳng phải đồng nhất chẳng phải biệt dị và không hề có đoạn tuyệt. Căn cứ vào nghĩa lý này nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân.

Hỏi: Trước đây đã nói chân như xa rời tất cả các tướng, tại sao ở đây nói là đầy đủ tất cả các tướng công đức?

Đáp: Tuy thực tế có đủ tất cả mọi công đức, nhưng không hề có tướng sai biệt, tất cả các pháp ấy đều cùng một vị đồng nhất chân như, xa rời tướng phân biệt nên không có hai tánh, vì dựa vào thức nghiệp và tướng sanh diệt, mà lập nên tướng của tất cả mọi sai biệt ấy. Ở đây sao nói là lập nên? Vì tất cả các pháp vốn có chỉ do tâm mà thực sự không có sai biệt, vì không giác ngộ nên tâm phân biệt dấy lên thấy có cảnh giới, thì gọi là vô minh. Tâm tánh vốn thanh tịnh vô minh không dấy lên, chính là đối với chân như lập nên nghĩa lý của đại trí tuệ quang minh. Nếu như tâm phát sanh thấy có cảnh giới thì xuất hiện trạng thái của không thấy, tâm tánh không tiếp xúc thì không có gì không thấy, ngay nơi chân như lập thành nghĩa lý của biến chiếu pháp giới. Nếu tâm có vọng động thì không phải là sự hiểu biết chân thật, không phải là bản tánh thanh tịnh, không phải là thường lạc ngã tịnh, không phải là tịch tĩnh, mà là biến dị không tự tại. Vì vậy đã dấy lên quá nhiều những sự tạp nhiễm hư vọng. Do tâm tánh không có vọng động nên ngay lập tức hình thành nghĩa lý của chân thật biết rõ, cho đến rất nhiều những nghĩa lý về tướng công đức thanh tịnh. Nếu tâm có dấy lên thấy có cảnh giới khác có thể phân biệt cầu tìm, thì đối với pháp bên trong có những sự thiếu sót, vì công đức vô biên tức là tự tánh của tâm đồng nhất, không thấy có pháp nào khác để có thể cầu thêm nữa. Vì vậy đầy đủ vô số lượng pháp chẳng biệt dị, chẳng đồng nhất, không thể nghĩ bàn của chư Phật và không có gì đoạn tuyệt, nên nói chân như được gọi là Như Lai tạng, lại cũng gọi là Pháp thân của Như Lai.

Nói về tác dụng của chân như, nghĩa là hết thấy chư Phật khi còn ở địa vị tu nhân phát khởi Đại từ bi, tu hạnh Ba-la-mật và thực hành bốn sự thâm hóa, quán xét chúng sanh tất cả khắp nơi bình đẳng mà cứu độ, tận cùng thời gian vị lai mà không hạn định kiếp số, hiểu biết đúng như

thật mình và người đều bình đẳng, nhưng cũng không giữ lấy tướng của chúng sanh. Dùng trí phương tiện rộng lớn như vậy diệt trừ vô minh từ vô thủy để chứng được Pháp thân vốn có, tùy ý vận dụng thành lập nghiệp bất tư nghị, thành tựu các loại tác dụng tự tại khác nhau, rộng khắp pháp giới sánh bằng hư không và đồng đẳng với chân như, mà cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Tại sao? Vì hết thảy Như Lai chỉ là Pháp thân, là tác dụng của cảnh giới Đệ nhất nghĩa đế chứ không có tác dụng của cảnh giới thế tục đế, nhưng thuận theo sự thấy nghe của chúng sanh, mà phát sanh các loại tác dụng khác nhau.

Tác dụng này có hai loại:

1. Dựa vào thức phân biệt sự, nghĩa là cái thấy của tâm phàm phu và Nhị thừa thì gọi là Hóa thân. Những người này không biết chính do thức chuyển hóa mà ảnh hiện ra, trông thấy đến từ bên ngoài mà lấy sắc để hạn định phạm vi, nhưng Hóa thân của Phật thì không có hạn lượng.

2. Dựa vào thức nghiệp, nghĩa là cái thấy của tâm các vị Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến địa cuối cùng của Bồ-tát ấy gọi là thân thọ dụng, thân có vô lượng sắc thái, sắc có vô lượng hình tướng, hình tướng có vô lượng vẻ đẹp, quả vị của thân ấy an trú cũng đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, thuận theo những gì nhìn thấy đều là vô lượng vô biên, không thời gian và không đoạn mất, không phải ở ngoài tâm mà thấy như vậy. Các công đức này đều nhờ các Ba-la-mật và các hạnh vô lậu huân tập đạt đến sự thành tựu do huân tập không thể nghĩ bàn, nên đầy đủ vô biên tướng công đức an lạc và hoan hỷ, cũng gọi là Báo thân. Và lại, thân Phật mà các phàm phu nhìn thấy là tác dụng của thấy thô thiển, tùy theo sáu nẻo các loại sai khác, không có tướng an lạc của vô biên công đức nên gọi là Hóa thân. Hàng Bồ-tát mới thực hành (Sơ hạnh) nhìn thấy cái dụng bậc trung bình của thân, vì rất tin chân như nên được nhìn thấy phần ít, biết sắc thân Như Lai không đi không đến không có gì đoạn tuyệt, chỉ do tâm ảnh hiện không xa rời chân như. Nhưng Bồ-tát này còn chưa có năng lực xa rời sự phân biệt vi tế, vì chưa tiến vào địa Pháp thân, đến địa Bồ-tát tâm thanh tịnh thì thấy được cái dụng vi tế, như vậy chuyển sang thù thắng cho đến địa Bồ-tát cuối cùng nhìn thấy mới trọn vẹn. Cái dụng vi tế này là thân thọ dụng, vì có thức nghiệp nhìn thấy thân thọ dụng. Nếu xa rời nghiệp thức thì không có gì đáng thấy, vì thân của hết thảy Như Lai đều là Pháp thân, không có sắc tướng sai biệt này kia, và nhìn thấy lẫn nhau.

Hỏi: Nếu Pháp thân của Phật không có các loại sắc tướng sai biệt,

---

sao nói là có năng lực hiện rõ ra các loại sắc tướng?

Đáp: Vì Pháp thân là thật thể của sắc tướng, nên có năng lực hiện rõ ra các loại sắc tướng, nghĩa là từ xưa đến nay sắc và tâm không có hai phạm vi tương phản, vì bản tánh của sắc chính là tự tánh của tâm, nên gọi là Trí thân. Vì bản tánh của tâm chính là tự tánh của sắc, nên gọi là Pháp thân. Dựa vào Pháp thân, hiện rõ ra sắc thân của hết thảy Như Lai, khắp tất cả mọi nơi không có gì gián đoạn. Bồ-tát mười phương tùy theo khả năng có thể đảm nhận và tùy theo niềm vui với hạnh nguyện của mình, thấy được vô lượng thân thọ dụng và vô lượng cõi nước trang nghiêm, tất cả đều sai biệt mà không chướng ngại nhau, không có gì đoạn tuyệt. Sắc thân đã hiện bày này không phải là tâm và ý thức của tất cả chúng sanh có năng lực suy nghĩ biết được, vì đều là tác dụng rất sâu xa và tự tại của chân như.

Vả lại, vì khiến cho chúng sanh từ phương diện tâm sanh diệt tiến vào phương diện chân như, đó là làm cho quán xét tướng trạng của các sắc đều không thành tự. Sao nói là không thành tự? Nghĩa là phân tích sắc thô dần dần đến vi trần, lại dùng phương pháp phân tích vi trần này, vì thế tất cả các sắc hoặc là thô hay tế, chỉ là tâm vọng phân biệt ảnh hiện ra chứ thật sự không có gì. Suy xét tìm kiếm các uẩn khác dần dần đến sát na, tìm cầu tướng trạng sát na này, không có một pháp vô vi nào khác cũng lại như vậy, xa rời pháp giới chung quy không thể đạt được. Như vậy hết thảy các pháp khắp mười phương thuận theo biết đều là như thế. Giống như người lầm đường nói Đông là Tây mà phương hướng thực sự không chuyển đổi. Chúng sanh cũng vậy, vì vô minh làm cho mê muội mà nói tâm là biến động nhưng thực sự là không biến động. Nếu như biết tâm biến động chính là không sanh diệt, tức là có thể tiến vào cửa ngõ của chân như.

